

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
Năm 2024

CÔNG TY CỔ
PHẦN KHOÁNG
SẢN VÀ LUYỆN
KIM CAO BẰNG

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
KHOÁNG SẢN VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG
DN: C=VN, S=CAO BẰNG, L=Thành Phố Cao
Bằng, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN
VÀ LUYỆN KIM CAO BẰNG,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:
4800129232
Reason: I am the author of this document
Location: 4800129232
Date: 2025.03.25 14:04:12+07'00'
Foxit PhantomPDF Version: 10.1.1

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4800129232
- Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 80.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Phố Kim Đồng - Phường Hợp Giang - TP Cao Bằng - Tỉnh Cao Bằng
- Số điện thoại: 02063 505 505
- Số fax: 02063 852 579
- Website: <http://cmamc.com.vn>
- Mã cổ phiếu: KCB

* *Quá trình hình thành và phát triển:* Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

- Công ty Cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được thành lập theo Quyết định số 3412/QĐ-BCN ngày 14/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp trên cơ sở chuyển đổi Công ty Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng thành Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.

- Ngày 01/7/2006, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức đi vào hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 4800129232 được cấp bởi Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp lần đầu ngày 01/07/2006 với vốn điều lệ là 42 tỷ đồng và cấp thay đổi thứ 05 ngày 16/10/2012 với vốn điều lệ 80 tỷ đồng, Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối 51,89%.

- Ngày 16/12/2010, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu với tổng số cổ phần lưu ký là 8.000.000 cổ phần.

- Năm 2012, Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức được Ủy ban chứng khoán Nhà nước đưa vào danh sách công ty đại chúng.

- Ngày 01/12/2015, cổ phiếu của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng chính thức niêm yết trên sàn giao dịch UpCOM.

* *Các sự kiện khác:* Không có.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

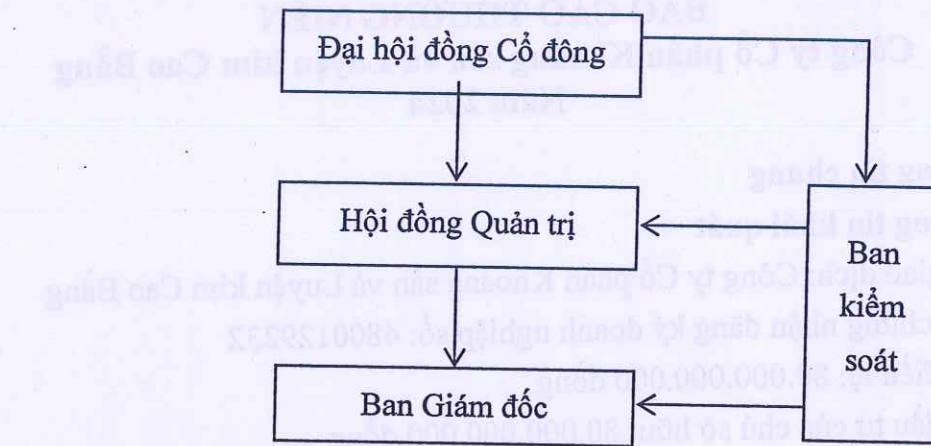
* *Ngành nghề kinh doanh:* Khảo sát thăm dò địa chất các loại khoáng sản; Khai thác tuyển luyện gia công chế biến kinh doanh khoáng sản; Công trình kỹ thuật dân dụng phát dẫn truyền tải điện năng.

* *Địa bàn kinh doanh:* (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất).

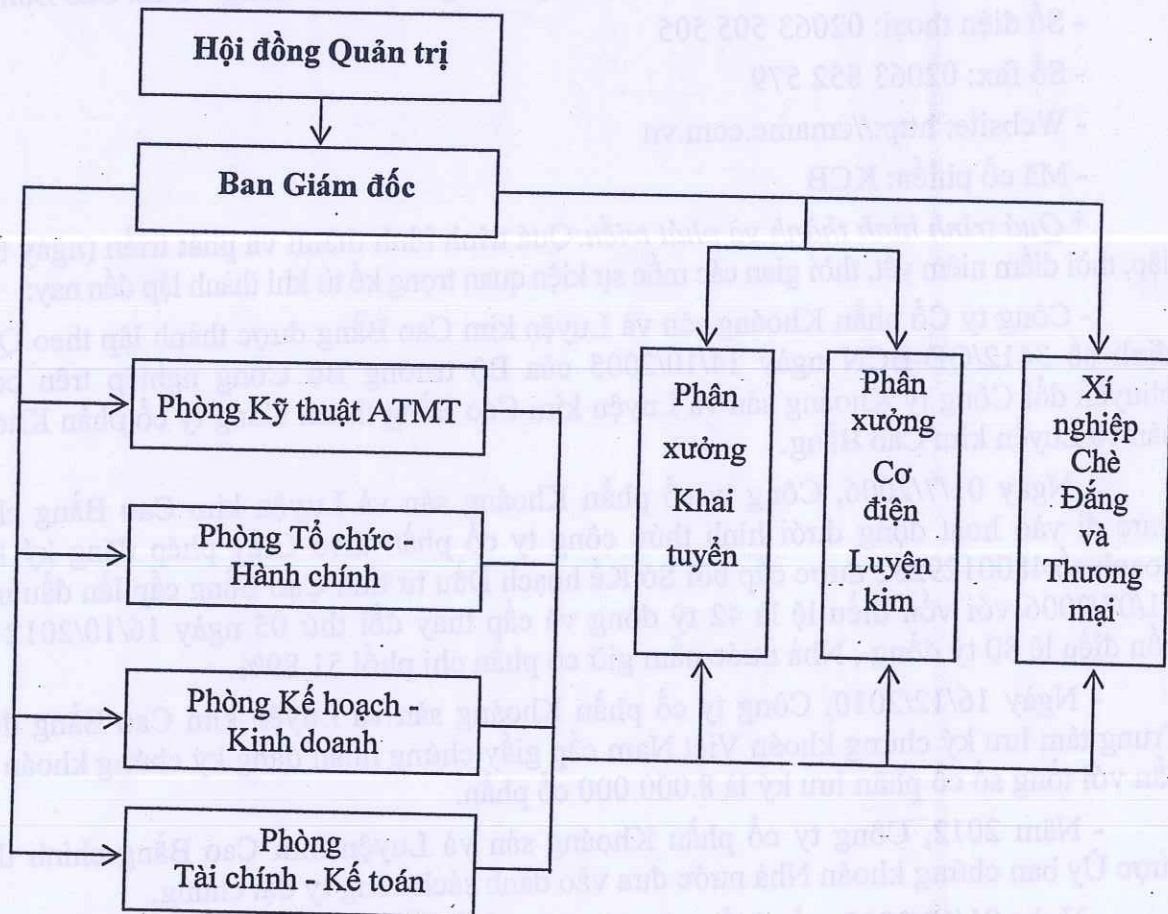
- Thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: theo Luật doanh nghiệp



- Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Công ty tại các công ty con, công ty liên kết): Không có.

4. Định hướng phát triển

* Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2025:

- Doanh thu: 123.219 triệu đồng.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp giấy phép dự án Thập Lục Phần (năm 2025) và đánh giá phân tài nguyên trữ lượng còn lại sau khi kết thúc khai thác dự án khu Tây (năm 2026) để tiếp tục gia hạn sau khi kết thúc thời hạn của giấy phép và xin cấp Giấy phép Dự án Nậm Kép.

* Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng cường công tác quản trị chi phí nhằm giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất.
- Quan tâm đào tạo phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty.
- Đầu tư đổi mới công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản.
- Sắp xếp lại lao động phù hợp với công nghệ và tổ chức sản xuất.
- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
- Đảm bảo an toàn môi trường, an sinh xã hội.

5. Các rủi ro: (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường):

- Thiên tai: lũ lụt, nắng hạn kéo dài.
- Thay đổi chính sách của Nhà nước.
- Biến động giá cả thị trường, nguyên nhiên vật liệu tăng cao.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2024:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2024	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch Năm 2024	Tỷ lệ (%)	
						Năm 2023	Năm 2024
1	Tổng doanh thu	Tr.đ	124.002	114.005	109.122	104	114
2	Lợi nhuận	Tr.đ	11.946	9.239	8.700	106	137
3	Các sản phẩm sản xuất						
3.1	Thiếc thời 99,75% Sn	Tấn	147,69	153	143	107	103
3.2	FerôSilic 45	Tấn	575	456	600	76	96

- Thiếc thời 99,75%Sn đạt 145,8/143 tấn bằng 102% KH và bằng 95% so với cùng kỳ năm 2023.

- Sản xuất Ferro Silic 45 đạt 575/600 tấn bằng 96% KH và bằng 126% so với cùng kỳ năm 2023.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác).

Gồm các ông/bà sau:

+ Ông Trần Văn Chương giữ chức danh Giám đốc Công ty từ 03/01/2020 đến nay (Đã bổ nhiệm lại chức vụ Giám đốc Công ty theo Quyết định số: 39/QĐ-KSLK ngày 03/01/2025).

+ Ông Đỗ Hữu Chiêm giữ chức danh Phó giám đốc Công ty từ ngày 06/02/2020 đến nay (Đã bổ nhiệm lại chức vụ Phó giám đốc Công ty theo Quyết định số: 89/QĐ-KSLK ngày 06/02/2025).

+ Ông Cung Lê Hoàng giữ chức danh Kế toán trưởng Công ty từ ngày 15/9/2021 đến nay.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

+ Lao động đầu kỳ: 179 người; hết ngày 31/12/2024: 191 người;

+ Lao động sử dụng bình quân: 178 người.

CBCNV trong Công ty đều được đóng BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ và hưởng các quyền lợi theo Luật lao động. Ngoài ra còn được hưởng các quyền lợi khác theo quy chế của Công ty, Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng sản Việt Nam.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án (Năm 2024)

a) Các khoản đầu tư lớn:

Kết quả thực hiện đầu tư năm 2024 đạt 495/8.350 Tr.đồng bằng 6% KHN.

Nguyên nhân: Trong năm 2024, các dự án đều được triển khai thực hiện theo nội dung kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, do vướng mắc các thủ tục pháp lý, sự thay đổi của chính sách pháp luật nhà nước nên các dự án bị chậm tiến độ. Cụ thể:

- Dự án đầu tư phục vụ sản xuất (đầu tư máy xúc) do vướng các thủ tục phê duyệt của Vimico/TKV nên đến tháng 12/2024 mới triển khai thực hiện đầu tư và thực hiện được công việc: Lập hồ sơ đấu thầu rộng rãi.

- Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng điều chỉnh (Kết thúc giấy phép khai thác tháng 12/2025): Dự án đã nộp và đang chờ xem xét sau khi Luật Địa chất - Khoáng sản năm 2024 và các văn bản hướng dẫn có hiệu lực thi hành (Thông báo kết luận cuộc họp Lãnh đạo UBND tỉnh tuần 7 năm 2025 số 318/TB – UBND ngày 12/02/2025 và Văn bản số 385/SKHĐT – ĐKKD của Sở KH&ĐT tỉnh Cao Bằng ngày 21/02/2025).

Giá trị thực hiện đầu tư đạt 495 trđ (lập báo cáo KTKT điều chỉnh dự án).

- Dự án “Khai thác quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm tại mỏ thiếc sa khoáng Nậm Kép, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”.

Trong năm 2024, Công ty đã và đang tích cực phối hợp cùng đơn vị tư vấn tập trung giải trình các vướng mắc theo Thông báo kết luận số 205-TB/TU ngày 14/6/2023 của Thường trực Tỉnh ủy Cao Bằng tại buổi làm việc với Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam ngày 12/6/2023. Trong đó tập trung vào những vấn đề chính sau: (1) Về tuổi thọ mỏ (2) Về quy hoạch (3) Về kế hoạch sử dụng đất (4) Về phương án tái định cư, hỗ trợ đền bù đất lúa (5) Phương án sử dụng lao động địa phương tạo sinh kế ổn định cho người dân bị thu hồi đất (6) Nguy cơ sạt trượt khi dự án đi vào hoạt động (7) Ô nhiễm nguồn nước (8) Về việc khảo sát ý kiến của người dân và chính quyền địa phương tại khu vực Dự án.

Ngoài ra, Công ty đã chủ động làm việc với đơn vị tư vấn và gửi văn bản báo cáo đề xuất lên các Sở ban ngành tỉnh Cao Bằng; Bộ tài Nguyên môi trường để được hướng dẫn về việc thực hiện công tác khảo sát, đánh giá nguy cơ trượt lở (mục 6) phục vụ Dự án (Văn bản số 947/KSVN_TĐHS ngày 8/4/2024 của Cục Khoáng sản Việt Nam), hiện nay Công ty đang bám sát Cục địa chất khoáng sản để được hướng dẫn và triển khai thực hiện khi được Cục khoáng sản Việt Nam hướng dẫn chi tiết.

b) Các công ty con, công ty liên kết: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết). Không có.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	117.885	120.308	
Doanh thu thuần	112.093	122.638	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.317	18.430	
Lợi nhuận khác	-78	-6.483	
Lợi nhuận trước thuế	9.239	11.946	
Lợi nhuận sau thuế	6.145	5.637	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	5%	5%	

- Các chỉ tiêu khác: không có

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Ghichú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
<u>Tài sản ngắn hạn</u>			
Nợ ngắn hạn	4,59	4,27	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
<u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u>			
Nợ ngắn hạn	3,98	3,64	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,16	0,18	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,27	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
<u>Giá vốn hàng bán</u>			
Hàng tồn kho bình quân	7,10	5,37	
<u>Doanh thu thuần</u>			
Tổng tài sản	9,5	10,2	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,05	0,04	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,07	0,07	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,047	0,046	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,08	0,09	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:.

Tổng số cổ phần: 8.000.000 cổ phần;

Loại cổ phần đang lưu hành: cổ phần phổ thông;

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 8.000.000 cổ phần.

Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cao Bằng cấp

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4800129232 ngày 01/07/2006. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ phần của cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 3 năm kể từ ngày công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu. Theo đó, đến thời điểm hiện tại, số lượng cổ phiếu do cổ đông sáng lập của Công ty cổ phần Khoáng sản Luyện kim Cao Bằng nắm giữ đã hết thời gian hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cơ cấu cổ đông	Số lượng cổ đông tính đến 08/7/2024	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông lớn (nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên)	2	5.313.726	66,42
1.1	Cổ đông Nhà nước	1	4.150.869	51,89
1.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1	1.162.857	14,53
2	Cổ đông nhỏ (nắm giữ dưới 5% vốn cổ phần)	1.008	2.686.274	33,58
2.1	Cổ đông tổ chức trong nước	1	149.716	1,87
2.2	Cổ đông cá nhân trong nước	1.001	2.352.158	29,4
2.3	Cổ đông cá nhân nước ngoài	4	184.400	2,31
Tổng cộng		1010	8.000.000	100

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: (Nêu các đợt tăng vốn cổ phần trong năm bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v...): Không có.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: (Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch): Không có.

e) Các chứng khoán khác: (Nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty liên quan đến việc phát hành chứng khoán): Không có.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Sản phẩm chính:

+ Thiếc thời 99,75%Sn: 145,8 tấn;

+ Fero Silic: 575 tấn.

- Nguyên liệu chính:

+ Quặng thiếc 70%: 216,5 tấn;

+ Quặng sắt: 434 tấn;

+ Quặng quắc zít: 698,3 tấn.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức.

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

- Nhiên liệu, than cốc các loại: 497 tấn.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

6.3. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng.

- Nguồn cung cấp nước: Nước suối Cami, Cao Sơn - Nguyên Bình - Cao Bằng.

- Nước lưu hồi từ hệ thống các ao lắng tuyển.

- Lượng nước sử dụng dùng cho tuyển rửa đất quặng: 1.169.375 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng.

- Lượng nước lưu hồi, tái sử dụng chiếm 90%.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động sử dụng bình quân: 178 người.

- Mức lương trung bình: 12,45 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Người lao động có chế độ ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại, khám sức khỏe định kỳ.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên: Số giờ đào tạo trung bình 8h/người/năm.

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp.

Các chương trình đào tạo: Tập huấn công tác nghiệp vụ, công tác an toàn môi trường; bồi dưỡng kèm cặp nâng bậc...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các loại quỹ Công ty đã tham gia ủng hộ trong năm 2024:

- Hưởng ứng và thực hiện phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Cao Bằng. Công ty đã giúp đỡ xã Thê Dục, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn kiểu mẫu năm 2024 với tổng số tiền: 36.000.000, đồng.

- Thực hiện phong trào “Cao Bằng chung tay vì người nghèo - không để ai bị bỏ lại phía sau” theo Kế hoạch số 2451/KH-UBND, ngày 26/9/2022 của UBND tỉnh, Công ty đã tổ chức nhiều hoạt động xã hội từ thiện, tình nguyện tham gia bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo cho người nghèo, tích cực ủng hộ các loại quỹ, cụ thể trong năm 2024: Ủng hộ xóa nhà tạm nhà dột nát huyện Nguyên Bình 250.000.000 đồng.

- Tổ chức thăm hỏi động viên gia đình cán bộ, nhân viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; vận động ủng hộ quà tết vì người nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội, gia đình chính sách.

- Chi ủng hộ quỹ “Vì người nghèo” năm 2024 Thị trấn Tĩnh Túc: 50.000.000 đồng.

- Chi hỗ trợ kinh phí cho Hội cựu chiến binh thị trấn Tĩnh Túc (hành trình trở lại thăm chiến trường xưa và học tập mô hình phát triển kinh tế Tại Hà Giang): 15.000.000 đồng;

- Chi ủng hộ quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” thị trấn Tĩnh Túc năm 2024: 5.000.000 đồng;

- Chi ủng hộ quỹ khuyến học thị trấn Tĩnh Túc năm 2024: 15.000.000 đồng;

- Ủng hộ gia đình 06 nạn nhân thiệt hại do thiên tai cơn bão số 3 gây ra tại thị trấn Tĩnh Túc - Huyện Nguyên Bình - Tỉnh Cao Bằng: 30.000.000 đồng;

- Ủng hộ đền ơn đáp nghĩa thị trấn Tĩnh Túc: 10.000.000 đồng;

- Chi ủng hộ hội nông dân tỉnh Cao Bằng: 5.000.000 đồng;

- Ủng hộ chương trình Xuân Biên Cương năm 2024: 16.000.000 đồng;

- Ủng hộ MTTQ Tỉnh Cao Bằng khắc phục thiệt hại thiên tai cơn bão số 3: 100.000.000 đồng;

- Ủng hộ MTTQ huyện Nguyên Bình khắc phục thiệt hại thiên tai cơn bão số 3: 100.000.000 đồng;

- Các hoạt động khác;

Tổng số tiền hỗ trợ 692.000.000 đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của công ty)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Chi tiết về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh tại mục 1 phần 2 của báo cáo này.

- Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2024:

1.1. Đối với công tác Khai thác mỏ, tuyển khoáng

a. Công tác khai thác mỏ:

- Đất đá thải chứa quặng thiếc thực hiện đạt: 1.169.375/1.422.244 tấn bằng 82,2% KHN, trong đó Công ty đã thường xuyên kiểm tra mẫu hàm lượng công trường, xác định đất đá thải chứa quặng đảm bảo hiệu quả kinh tế đưa về tuyển rửa.

- Cung độ vận chuyển đất đá thải chứa quặng: 0,61/0,52 Km bằng 117% KHN. Trong đó tại bãi thải khu Tây: 0,65/0,46 Km bằng 143% KHN; Tại bãi thải Thập Lục Phần: 0,46/0,65 Km bằng 70% KHN.

Cung độ vận chuyển đất quặng trung bình năm tăng do: Tận dụng thời tiết đầu năm mùa khô, Công ty đã triển khai khai thác tại tầng sâu bờ Tây của mỏ, nơi có hàm lượng quặng cao hơn; mặt khác do thiết bị xúc bốc hạn chế, khai trường bãi thải Thập Lục Phần tầng cao, đường vận tải độ dốc lớn khó khăn trong việc vận chuyển đất quặng trong

mùa mưa, vì vậy đã huy động đất quặng từ khai trường khu Tây về tuyển thô Thập Lục Phần dẫn đến cung độ vận chuyển đất quặng tăng so với KHN.

- Khối lượng đất đá thải thực hiện: 27.896/75.419 m³, bằng 37,0% KHN. Do thực hiện tốt khâu xúc bốc chọn lọc, khối lượng đất đá thải trong quá trình khai thác giảm so với kế hoạch năm. Cung độ vận chuyển đất đá thải 0,30/0,30 Km; bằng 100% KHN.

- Do ảnh hưởng của bão số 3, hoạt động sản xuất trong toàn Công ty tạm dừng hoạt động gần 01 tháng. Công ty đã chủ động khắc phục và xử lý thiệt hại do bùn đất vùi lấp đường nội bộ, ao lắng khai trường; Khối lượng bùn, đất xử lý: Xúc bốc: 78.666 m³, vận chuyển: 61.406 T.km, san gạt: 17.093 m³.

b. Công tác tuyển khoáng:

- Tổng khối lượng đất đá thải chứa quặng thiếc vào tuyển: 1.169.375/1.422.244 tấn (HL 0,017%Sn) bằng 82,2% KHN; Trong đó khối lượng đất quặng vào tuyển thô khu Tây: 908.252/972.244 tấn (HL 0,017%Sn); Tuyển thô Thập Lục Phần: 261.124/450.000 tấn (HL 0,016%Sn).

- Thực thu tuyển thô đạt 80,8/80% bằng 101% KHN. Kết quả sản xuất quặng hỗn hợp sau tuyển thô đạt 2.734 tấn (HL: 5,8%Sn), trong đó: Tuyển thô khu Tây: 2.064 tấn (HL 6,0%Sn) bằng 98,3% KHN; Tuyển thô Thập Lục Phần: 670 tấn (HL 5,19%Sn) bằng 68,9% KHN.

Đánh giá: Tận dụng thời gian mùa khô, giai đoạn đầu năm đã tiến hành khai thác chọn lọc tại các vị trí tầng sâu, vì vậy hàm lượng quặng đầu vào tăng đáng kể so với kế hoạch đề ra (0,017/0,014%Sn, bằng 124,6%KHN); Các chỉ tiêu công nghệ thực thu, năng suất, tiêu hao đều đạt định mức so với KHN.

1.2. Công tác Luyện kim

- Sản xuất thiếc thời 99,75%Sn: để đáp ứng nhu cầu tài chính kịp thời, trong năm 2024 Công ty tiếp tục thuê đơn vị ngoài luyện thiếc để đảm bảo sản xuất.

- Sản xuất Ferrosilic 45%: Sản lượng sản xuất đạt 575/600 Tấn, bằng 95,8% KHN. Do thời tiết đầu năm là mùa khô, vì vậy từ tháng 5 Công ty mới triển khai công tác luyện Ferrosilic 45.

Mặt khác, do ảnh hưởng của cơn bão số 3, Công ty đã phải tạm dừng sản xuất FeSi45 từ ngày 10/9, đến ngày 26/9 mới khôi phục được 01 lò, 7/10 mới khôi phục được 2/2 lò sản xuất FeSi45 dẫn đến sản lượng FeSi45 giảm so với KH đề ra.

1.3. Đối với công tác cơ điện

- Thiết bị xúc bốc, vận tải chủ yếu huy động tập trung cho sản xuất tận thu tại bãi thải Khu Tây và bãi thải Thập Lục Phần. Tổng khối lượng xúc bốc thực hiện trong năm 2024 là: 1.196.384/1.323.939 m³ bằng 90,9% KHN.

- Thiết bị vận tải huy động được thường xuyên 06 xe. Khối lượng vận tải năm 2024 đạt: 1.246.070/1.251.003 TKm bằng 99,6% KHN.

1.4. Đối với công tác phát dẫn điện năng

Sản lượng điện năng phát dẫn năm 2024 đạt 6,32/7,68 tr kwh, bằng 82,25% KHN.

1.5. Đối với công tác sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên

Thiết bị tuyển khoáng: Công ty chủ động sửa chữa bảo dưỡng thường xuyên các hệ tuyển thô, cải tiến dây chuyền sản xuất giúp tăng năng suất, thực thu tuyển; Tự chế tạo, gia công các mặt sàng tuyển, sàng quay phục vụ sản xuất.

Thiết bị luyện kim: Từ đầu năm 2024 đã triển khai công tác sửa chữa, bảo dưỡng lò luyện, khôi phục lò luyện bị dừng do ảnh hưởng bởi thiên tai, sản xuất hồ than điện cực và chuẩn bị các điều kiện để vận hành lò Fero.

Thiết bị khai thác, vận tải: Năm 2024, công tác sửa chữa tập trung bảo dưỡng và khắc phục hư hỏng để kịp thời phục vụ sản xuất.

Công tác sửa chữa lớn: Công ty đã triển khai các bước đưa vào cấp sửa chữa đối với 01 máy xúc thủy lực gầu ngược Hyundai330, dự kiến thực hiện xong trong tháng 01/2025.

1.6. Công tác An toàn - Môi trường

Thực hiện kế hoạch ATMT năm 2024, Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định của Pháp luật, các công văn chỉ đạo, chỉ thị của Tập đoàn, Tổng công ty về ATVSLĐ tại cơ sở. Phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc xây dựng phương án PCTT-TKCN, phương án PCCC&CNCH, phương án ứng phó các sự cố thiên tai theo cấp độ rủi ro, thành lập và phân công nhiệm vụ Ban chỉ huy PCTT-TKCN; Chuẩn bị các nội dung ứng phó với điều kiện thời tiết biến đổi thất thường trong mùa mưa năm 2024.

Đối với công tác BVMT: Công ty đã chủ động thực hiện phân loại, thu gom bảo quản, xử lý CTNH theo đúng quy định. Tăng cường công tác nạo vét các hệ thống ao lắng đuôi tuyển thô Khu Tây và tuyển thô Thập Lục Phần nhằm đảm bảo nước thải phát sinh được xử lý đảm bảo chất lượng nước theo quy định trước khi ra môi trường.

Năm 2024 Công ty không để xảy ra các vụ tai nạn lao động cũng như các sự cố về Môi trường.

Công tác PCTT-TKCN, UCSC: Do ảnh hưởng của cơn bão số 3 đã gây ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất toàn Công ty, tổng giá trị khắc phục thiệt hại 5,7 tỷ đồng (trong đó: 5,4 tỷ xử lý khắc phục thiên tai, 0,3 tỷ: ủng hộ địa phương). Để ứng phó kịp thời, Công ty đã chủ động xây dựng phương án ứng trực, xử lý sự cố; Phối hợp cùng các đơn vị liên quan xử lý các vị trí bị ảnh hưởng bởi bão và hoàn lưu sau bão như xử lý ao lắng sau tuyển và các đường nội bộ, hệ thống tuyển thô, các nhà máy thủy điện, đường dây truyền tải điện, không để xảy ra các nguy cơ ảnh hưởng đến môi trường.

Tổng giá trị thực hiện công tác ATVSLĐ là: 1.184/1.024,7 triệu đồng đạt 115,6% KHN; công tác môi trường thường xuyên đạt 1.084,4/665,7 triệu đồng, đạt 162,9% KHN.

1.7. Công tác lao động tiền lương

Lao động sử dụng bình quân năm 2024: 178 người. Trong quá trình thực hiện Công ty luôn luôn đảm bảo làm đúng các quy định của Nhà nước; Bố trí đủ việc làm ổn định cho cán bộ CNVC, LĐ, giải quyết các chế độ cho người lao động theo quy định.

Tiền lương bình quân đạt 12,45 triệu đồng/người/tháng. Thu nhập bình quân 13,0 triệu đồng/người/tháng. Đảm bảo chế độ chính sách cho người lao động theo đúng quy định: Đóng BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn giữa ca, bồi dưỡng độc hại...

1.8. Đối với công tác phát triển tài nguyên

Công ty đặc biệt quan tâm đến công tác phát triển tài nguyên nhằm đảm bảo duy trì SXKD năm 2024 và những năm tiếp theo. Trong năm, Công ty đã triển khai hoạt động rà soát và khảo sát, đánh giá tài nguyên tại các mỏ đang hoạt động gồm:

- Bãi thải Thập Lục Phần: Giấy phép Khai thác tận thu Khoáng sản số: 2643/GP-UBND ngày 24/12/2020. (kết thúc 24/12/2025). Công ty đã triển khai khảo sát đánh giá tài nguyên còn lại của mỏ ngày từ đầu năm 2024. Trên cơ sở khảo sát đánh giá tài nguyên còn lại Công ty đã lập dự án xin gia hạn khai thác đến 2030. Hiện đang chờ khi Luật Khoáng sản năm 2024 có hiệu lực (1/7/2025) để được xem xét cấp chủ trương đầu tư.

- Bãi thải Khu Tây: Giấy phép Khai thác tận thu Khoáng sản số: 2451/GP-UBND ngày 09/12/2021 (kết thúc 9/12/2026). Công ty đã triển khai khảo sát, khoanh vùng đánh giá tài nguyên và kiểm tra sơ bộ tài nguyên trong khu vực khoanh vùng đánh giá trong năm 2024 (tháng 12/2024). Theo kết quả khảo sát đánh giá sơ bộ triển vọng tài nguyên còn lại cho phép lập dự án khai thác tận thu thêm 5-10 năm đến sau năm 2030. Công ty sẽ triển khai lập dự án để xin gia hạn trong năm 2025.

- Mỏ sắt Nà Lũng, Phường Duyệt Trung, TP Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Giấy phép khai thác khoáng sản số 1072 QĐ/QLTN ngày 19/4/1996 của Bộ Công nghiệp; Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản số: 166/QĐ-BTNMT ngày 27/01/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (kết thúc 19/4/2026). Trong năm 2024, Công ty đang rà soát, tổng hợp, đánh giá lại tài nguyên còn lại để trình cấp có thẩm quyền xem xét điều chỉnh/gia hạn dự án nhằm khai thác triệt để tài nguyên, trữ lượng còn lại của mỏ.

2. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch
1	2	3	4	5=3-4
A. Tình hình tài chính				
I. Tài sản ngắn hạn				
1- Tiền và các khoản tương đương tiền	100	94.519	85.545	8.974
2- Các khoản phải thu ngắn hạn	110	8.776	37.503	-28.727
3- Hàng tồn kho	130	24.625	36.707	-12.082
4- Tài sản ngắn hạn khác	140	14.032	11.325	2.707
II. Tài sản dài hạn	150	4	10	-6
1- Các khoản phải thu dài hạn	200	25.788	32.340	-6.552
2- Tài sản cố định	210	3.405	2.789	616
- Nguyên giá	220	16.204	20.534	4.430
- Giá trị hao mòn lũy kế	222+225+228	197.609	196.960	649
3- Tài sản dở dang dài hạn	223+226+229	(181.405)	(176.901)	4.504
4- Đầu tư tài chính dài hạn	240	3.109	6.786	-3.677
5- Tài sản dài hạn khác	250			
III. Nợ phải trả	260	3.069	2.230	839
1- Nợ ngắn hạn	300	22.904	18.706	4.198
	310	22.089	18.633	3.456

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2024	Năm 2023	Chênh lệch
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5=3-4</i>
- Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	4.602	1.929	2.673
- Người mua trả tiền trước	312		4	-4
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9.814	5.559	4.255
- Phải trả người lao động	314	3.182	5.803	2.621
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	30	30	0
- Phải trả ngắn hạn khác	319	1.411	2.142	-731
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		550	-550
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	3.048	2.613	435
2- Nợ dài hạn	330	5	73	-68
- Phải trả dài hạn khác	337	5	73	-68
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
IV. Vốn chủ sở hữu	400	98.213	99.179	-966
1- Vốn góp của chủ sở hữu	411	80.000	80.000	0
Trong đó: Vốn góp của nhà nước		41.508	41.508	0
2- Quỹ đầu tư phát triển	418	6.082	6.082	0
3- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	780	780	0
4- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.921	6.146	-225
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	283	1	282
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	5.637	6.145	-508
5- Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	5.429	6.170	-741

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Công ty đã triển khai xây dựng lại mô hình tổ chức sản xuất từ các tổ đội, phòng ban và định biên lại lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết giảm chi phí và nâng cao lương, thu nhập cho người lao động.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Mục tiêu xây dựng môi trường sản xuất kinh doanh của Công ty với khẩu hiệu "An toàn – Phát triển – Hiệu quả".

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có) - (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp thuận toàn phần): Không có.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...).

Công ty đã triển khai thực hiện công tác bảo vệ môi trường thường xuyên năm 2024, cụ thể như sau:

- Công tác quan trắc môi trường định kỳ: Phối hợp với Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật môi trường thực hiện quan trắc giám sát theo tần suất 4 lần/năm đối với mẫu nước thải, 2 lần/năm đối với mẫu môi trường xung quanh. Các chỉ tiêu phân tích chất lượng môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải, khí thải.

- Thu gom xử lý chất thải nguy hại: Được thu gom và bảo quản tại các kho lưu chứa CTNH theo đúng quy định.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật, trang bị phương tiện bảo hộ cá nhân đầy đủ cho người lao động; Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt khám, phân loại sức khỏe, BNN từ đó bố trí, sắp xếp việc làm hợp lý cho người lao động ...

- Tổ chức công tác huấn luyện ATVSLĐ định kỳ cho 142 lượt người. Tiến hành đo, kiểm tra môi trường lao động tại các vị trí sản xuất.

- Trong năm Công ty không để xảy ra vụ TNLĐ nào.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương.

- Thực hiện giám sát chất lượng môi trường thường xuyên theo Giấy phép bảo vệ môi trường, cam kết bảo vệ môi trường của Công ty. Kiểm soát không để phát tán chất thải gây ảnh hưởng xấu tới môi trường sống của cộng đồng dân cư.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá chung kết quả hoạt động năm 2024, HĐQT ghi nhận sự nỗ lực của Công ty trong bối cảnh chung của nền kinh tế và sự cạn kiệt tài nguyên hiện nay. Ban điều hành Công ty đã trực tiếp bám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công. Kết quả năm 2024 đã hoàn thành tốt kế hoạch đặt ra, sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc Công ty đã trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo chức năng và nhiệm vụ được phân công.

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024
Tổng doanh thu	Triệu đồng	109.122	124.043
Tổng lợi nhuận	Triệu đồng	8.700	11.946
Tổng quỹ tiền lương	Triệu đồng	23.844	26.598
Lao động sử dụng bình quân	Người/năm	178	178
Tiền lương bình quân	Trđ/người/tháng	11,16	12,45

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2025, nhận định tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn đang trong giai đoạn khó khăn, Công ty cần phải triển khai quyết liệt các giải pháp tiết kiệm vật tư,

tiết giảm các chi phí, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất nhằm đem lại hiệu quả cao nhất trong quá trình sản xuất kinh doanh.

Trên cơ sở đó Hội đồng quản trị Công ty xác định các định hướng hoạt động cho năm 2025 với các nhiệm vụ cơ bản sau:

1. Tập trung chỉ đạo, giám sát công tác triển khai thực hiện kế hoạch kinh doanh năm 2025. Điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp để thực hiện được các nội dung mà Đại hội thường niên đề ra. Tích cực hỗ trợ Ban giám đốc tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

2. Tiếp tục chỉ đạo Ban Giám đốc đẩy mạnh công tác phát triển tài nguyên, trọng tâm là xin cấp giấy phép dự án Thập Lục Phần (năm 2025) và đánh giá phần tài nguyên trữ lượng còn lại sau khi kết thúc khai thác dự án khu Tây (năm 2026) để tiếp tục gia hạn sau khi kết thúc thời hạn của giấy phép và xin cấp Giấy phép dự án Nậm Kép.

3. Chỉ đạo Ban giám đốc tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tái cơ cấu lao động; công tác quản lý kỹ thuật cơ bản; công tác Đầu tư; công tác chăm lo xây dựng đội ngũ, phát triển nguồn nhân lực; công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, phát huy các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.

4. Chỉ đạo Ban Giám đốc quan tâm, sát sao trong công tác bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn, an ninh trật tự trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng các cuộc họp của Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình. Phát huy các mặt đã làm được và kịp thời khắc phục các mặt yếu kém chưa làm được. Rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế nội bộ theo thẩm quyền.

V. Quản trị công ty(Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

1. Hội đồng quản trị

a) *Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:* (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty có 05 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Lý Xuân Tuyên – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khoáng sản – TKV Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty; đại diện quản lý phần vốn nhà nước của VIMICO tại Công ty, chiếm tỷ lệ 51,89% cổ phần có quyền biểu quyết;(được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Trần Văn Chương – Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Nguyễn Mạnh Hưng – Phó trưởng phòng Kế hoạch Tổng công ty Khoáng sản - TKV, Thành viên HĐQT Công ty; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 10/5/2023, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023).

- Ông Hà Ngọc Bình, Thành viên HĐQT Công ty(được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

- Ông Đỗ Hữu Chiêm – Phó Giám đốc Công ty, Thành viên HĐQT; (được bầu giữ chức vụ TV HĐQT từ ngày 26/4/2022, tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022).

b) *Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:* (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp.

Trong năm 2024, HĐQT tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên, tổ chức 09 phiên họp ban hành 20 Nghị quyết, 02 Quyết định để chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ và giám sát thực hiện công tác điều hành sản xuất kinh doanh của công ty. Các cuộc họp của HĐQT được các thành viên tham gia đầy đủ, đưa ra các nghị quyết và quyết định phù hợp với điều lệ, phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty:

Các nội dung quan trọng Hội đồng quản trị đã thông qua trong năm 2024 như sau:

- Nghị quyết về việc Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài bổ sung năng lực xúc bốc, vận chuyển, san gạt năm 2024.
- Nghị quyết về việc Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài luyện thiếc thời năm 2024.
- Nghị quyết về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023.
- Nghị quyết về việc Phê duyệt chủ trương thanh lý tài sản cố định.
- Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Nghị quyết về việc xin gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.
- Nghị quyết về việc chi trả cổ tức bằng tiền năm 2023.
- Nghị quyết về việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024.
- Nghị quyết về xử lý tồn đọng đối với chi phí lập dự án “Đầu tư hệ thống tiết kiệm năng lượng – Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng”.
- Nghị quyết về việc thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ công ty.
- Nghị Quyết ĐHĐCĐ bất thường năm 2024.
- Nghị quyết về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật điều chỉnh Dự án khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải khu vực bãi thải Thập Lục Phần, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng.
- Nghị quyết về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình đầu tư 03 xe ô tô vận tải trọng ≥ 9 tấn/xe thuộc Dự án Đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2025.
- Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức danh Trưởng phòng Tổ chức hành chính Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Nghị quyết về việc bổ nhiệm chức danh Quản đốc Phân xưởng Cơ điện Luyện kim Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- Nghị quyết về việc Giám đốc tạm thời quản lý, điều hành Công ty và nhân sự thay thế.
- Nghị quyết V/v Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài luyện thiếc thời năm 2025.
- Nghị quyết V/v Phê duyệt kế hoạch thuê ngoài bổ sung năng lực xúc bốc, vận chuyển, san gạt năm 2025.
- QĐ-HĐQT Về việc phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành dự án “Khai thác tận thu quặng thiếc và các khoáng sản đi kèm trong đất đá thải tại bãi thải khu Tây mỏ thiếc Tĩnh Túc, thị trấn Tĩnh Túc, huyện Nguyên Bình, tỉnh Cao Bằng”.
- Nghị quyết Về việc thông qua Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng.
- QĐ-HĐQT Về việc ban hành Hệ thống thang lương, bảng lương của Công ty cổ phần Khoáng sản và Luyện kim Cao Bằng

d) *Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:* (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

e) *Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.*

- Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) *Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:* (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành).

Ban kiểm soát (BKS) Công ty có 03 thành viên, gồm các ông/bà sau:

- Ông Lê Thanh Tùng - Phòng Tài chính - Kế toán Tổng công ty Khoáng sản - TKV - Trưởng BKS Công ty;

- Ông Đặng Giang Nam – Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh Công ty - Thành viên BKS;

- Ông Đàm Nông Minh – Phó phòng Tổ chức hành chính Công ty - Thành viên BKS.

b) *Hoạt động của Ban kiểm soát:* (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

Ban kiểm soát Công ty gồm 03 thành viên, trong đó có 01 Trưởng ban và 02 thành viên vừa trực tiếp tham gia quản lý, vừa thực hiện vai trò kiểm soát tại Công ty theo từng lĩnh vực gắn với công tác quản lý, điều hành của HĐQT và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty trong quá trình quản lý, điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể như sau:

- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong công tác quản lý, điều hành; Kiểm soát trình tự, thủ tục ban hành các văn bản của Công ty đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công;

- Đại diện Ban kiểm soát tham dự và tham gia ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị, kiểm tra giám sát việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024, đối với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc.

- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Giám đốc lập: Kiểm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của số liệu tài chính. Đồng thời, phối hợp với Kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán đến Báo cáo tài chính; giám sát Ban lãnh đạo trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.

- Thực hiện công việc giám sát, kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện định mức kinh tế kỹ thuật, phân phối tiền lương cho người lao động.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) *Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:* (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ).

TT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2024 (VND)
1	Ông Lý Xuân Tuyên	Chủ tịch HĐQT	165.988.000
2	Ông Trần Văn Chương	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty	777.669.000
3	Ông Hà Ngọc Bình	Thành viên HĐQT	101.944.000
4	Ông Đỗ Hữu Chiêm	Thành viên HĐQT	656.748.000
5	Ông Nguyễn Mạnh Hưng	Thành viên HĐQT (Từ ngày 10/5/2023)	85.144.000
6	Ông Đỗ Ngọc Hải	Trưởng BKS (Từ ngày 10/5/2023 – 07/8/2024)	67.296.000
7	Ông Lê Thanh Tùng	Trưởng BKS (Từ ngày 07/8/2024)	16.048.000
8	Ông Đặng Giang Nam	Thành viên BKS	473.490.500
9	Ông Đàm Nông Minh	Thành viên BKS	340.963.900
10	Ông Cung Lê Hoàng	Kế toán trưởng	511.009.000
	Cộng		3.196.300.400

b) *Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:* (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

c) *Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:* (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có.

d) *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty): Công ty thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Đơn vị kiểm toán: Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán).

Địa chỉ công bố Báo cáo tài chính đăng trên Website: <http://cmamc.com>.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
PHÓ GIÁM ĐỐC


Đỗ Hữu Chiêm

